

Bản án số: 08/2023/KDTM-PT
Ngày 23/8/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Ông Hoàng Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLPT- KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2023/QĐPT-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP; địa chỉ: Thôn HV, xã TH, huyện LG, tỉnh BG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn T; chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn HV, xã TH, huyện LG, tỉnh BG (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phan Kế H1 - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH BT, Đoàn luật sư thành phố HN; địa chỉ: P.5A, tầng 5, Tòa nhà T, số 33, đường M, phường YH, quận CG, thành phố HN (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS; địa chỉ: Số 52 NMT, phường TA, thành phố BN, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C; chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 298 đường NT, khu BS, phường VC, thành phố BN, tỉnh BN (có mặt).

- Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 298 đường NT, khu BS, phường VC, thành phố BN, tỉnh BN (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 298 đường NT, khu BS, phường VC, thành phố BN, tỉnh BN (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn HV, xã TH, huyện LG, tỉnh BG (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Th; địa chỉ: Số 164 Nguyễn Cao, Ngô Quyền, thành phố BG, tỉnh BG (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Hữu Cháp, pH Hòa Long, thành phố BN, tỉnh BN (vắng mặt).

3. Anh Dương Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn VC 4, xã VT, huyện VY, tỉnh BG (vắng mặt).

4. Anh Đỗ Tuấn Th, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 9 ngõ 9 Làng Thuyền, Dĩnh Trì, thành phố BG, tỉnh BG (vắng mặt).

5. Bà Khổng Thị Gi, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm Chùa, xã Tân Thủy, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Th1; địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng Sơn, thị trấn Vôi, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt).

7. Chị Hà Thị Ng1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh BG (vắng mặt).

8. Anh Từ Văn A; địa chỉ: Thôn Liên Sơn, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh BG (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS (gọi tắt là Công ty dịch vụ TS) có tài khoản số: 0351001119775 mở tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh BG do ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Giám đốc đại diện (bên A) và Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP (gọi tắt là Công MP) do ông Đinh Văn T, chức vụ: Giám đốc đại diện có tài khoản số: 0731000792166 mở tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh BG (bên B). Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, giữa bên A và bên B có thỏa thuận ký với nhau các hợp đồng cung cấp hàng hóa (mỗi năm ký 01 lần), theo thỏa thuận Công ty MP cung ứng cho Công ty dịch vụ TS hàng hóa là lương thực, thực phẩm, hoa quả các loại vào các bếp ăn của Công ty dịch vụ TS tại một số doanh nghiệp trên địa bàn 02 tỉnh BG và BN. Quá trình thực hiện các hợp đồng mua bán được ký vào các năm 2018, 2019 các bên tuân thủ, không có tranh chấp gì.

Ngày 09/3/2020, hai công ty tiếp tục thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp hàng hóa số 090320/TS-MP, theo hợp đồng Công ty MP cung cấp bán cho Công ty dịch vụ TS các sản phẩm là lương thực (gạo), thực phẩm (rau, củ, hoa quả các loại, thủy sản đông lạnh và các mặt hàng chế biến sẵn như đậu phụ, giò, chả, bánh mỳ, sữa tươi...), các thực phẩm cùng loại khác đảm bảo chất lượng an toàn, vệ sinh thực phẩm trong danh mục được nhà nước cho phép. Về đơn giá: Bên B sẽ báo giá cho bên A một lần/tháng, thời gian báo giá trước ngày đầu tháng ít nhất 03 ngày, giá bán là giá chưa có thuế và giá giao tại bếp của bên A. Về số lượng bên A có trách nhiệm gửi thực đơn, tuần/tháng trước tuần/tháng thực hiện cho bên B để bên B chuẩn bị, số lượng hàng hóa chính xác từng ngày, bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B trước 17 giờ hàng ngày đặt hàng, nếu phát sinh bên B có quyền từ chối cung cấp nếu việc báo không đáp ứng được về thời gian. Về thời gian vận chuyển và địa điểm giao hàng bên B đảm bảo thời gian địa điểm giao nhận hàng theo yêu cầu của bên A và chịu mọi chi phí vận chuyển đến kho của bên A.

Về quyền và trách nhiệm của các bên: Bên A báo cáo số lượng hàng hóa chính xác, rõ ràng về chất lượng, quy cách cho bên B; khi nhận hàng có trách nhiệm kiểm nhận, cân đong, đo đếm tại chỗ và ký nhận vào phiếu giao hàng; thanh toán tiền theo đúng chu kỳ. Bên B khi giao hàng phải có hóa đơn, chứng từ đầy đủ ghi rõ mặt hàng, qui cách, số lượng, đơn giá số tiền có chữ ký của người giao và người nhận mới được coi là chứng từ hợp lệ để thanh toán.

Về phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, số liệu thanh toán được căn cứ vào đơn nhập hàng từ nhà cung cấp và bản báo giá mà bên B thông báo cho bên A từ trước, trong hạn 05 ngày kể từ ngày cuối của tháng, hai bên sẽ thực hiện việc chốt nợ sau đó bên B xuất hóa đơn cho bên A,

căn cứ bảng kê hàng hóa và hóa đơn bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày xuất hóa đơn (không tính ngày lễ, tết và ngày nghỉ) T hợp bên A chậm thanh toán trong vòng 5 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán thì phải báo cho bên B trước 2 ngày, T hợp thanh toán sau ngày hết hạn thanh toán thì bị phạt với mức phạt bằng 150% lãi suất của Vietcombank tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về quyền và trách nhiệm của các bên: Bên A báo cáo số lượng hàng hóa chính xác, rõ ràng về chất lượng, lẫn qui cách cho bên B; khi nhận hàng có trách nhiệm kiểm nhận, cân đong, đo đếm tại chỗ và ký nhận vào phiếu giao hàng; thanh toán tiền theo đúng chu kỳ; có quyền từ chối nhận hàng khi hàng không đảm bảo quy cách, chất lượng và yêu cầu bên B đổi hàng hoặc bồi tH, có quyền yêu cầu bên B cung cấp giấy tờ liên quan đến lô hàng khi cần thiết, có quyền ngừng hợp đồng trong T hợp bên B vi phạm chất lượng 3 lần/tháng hoặc giá cả không đảm bảo theo yêu cầu của mình. Bên B giao hàng đảm bảo chất lượng, không hư hỏng hoặc biến chất, có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nếu xảy ra ngộ độc do thực phẩm cung ứng thì phải bồi tH thiệt hại; khi giao hàng phải có hóa đơn, chứng từ đầy đủ ghi rõ mặt hàng, qui cách, số lượng, đơn giá có chữ ký của người giao và người nhận mới được coi là chứng từ hợp lệ để thanh toán (Hợp đồng có hiệu lực từ 09/3/2020).

Sau khi hợp đồng được ký kết, hàng ngày Công ty MP đã cung cấp hàng hóa là lương thực, thực phẩm theo số lượng, chủng loại các mặt hàng như yêu cầu của Công ty dịch vụ TS, thời gian cung cấp từ tháng 3 đến tháng 9 năm 2020, hàng tháng căn cứ vào thủ tục, phương thức thanh toán đã thỏa thuận và thói quen đã từng thực hiện theo các hợp đồng trước đây, Công ty dịch vụ TS đều chuyển khoản thanh toán trả đầy đủ tiền hàng cho Công ty MP, cụ thể Công ty dịch vụ TS đã thanh toán trả tiền hàng của các tháng 3, 4, 5, 6 năm 2020 cho Công ty MP.

Còn hàng hóa giao từ tháng 7/2020 trở đi Công ty dịch vụ TS không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho Công ty MP. Mặc dù, Công ty MP đã gửi cho Công ty dịch vụ TS toàn bộ hóa đơn, chứng từ thanh toán của các tháng 7, 8, 9 và liên lạc với người đại diện của Công ty dịch vụ TS là anh Nguyễn Văn Cường, người tH xuyên thay mặt cho Công ty TS làm việc và chốt công nợ là anh Nguyễn Văn Ng, chủ sở hữu Công ty TS là ông Nguyễn Văn Kh. Tổng số tiền hàng Công ty MP cung cấp bán cho Công ty dịch vụ TS từ tháng 7/2020 đến hết tháng 9/2020 là 1.642. 859.700 đồng, cụ thể: Tháng 7/2020 Công ty MP cung ứng bán cho Công ty dịch vụ TS giá trị tiền hàng là 642.180.210 đồng;

tháng 8/2020 tổng giá trị tiền hàng là 586.408.620 đồng; tháng 9/2020 tổng giá trị hàng là 414.270.870 đồng.

Thủ tục và phương thức thanh toán: Sau mỗi tháng, căn cứ thỏa thuận và căn cứ vào hóa đơn giao nhận hàng của từng ngày trong tháng Công ty MP đều liên lạc thông qua điện thoại và thư điện tử với anh Nguyễn Văn Ng (anh Ng con trai của ông Nguyễn Văn Kh) và theo anh Ng giới thiệu là kế toán của Công ty dịch vụ TS để thống nhất công nợ, sau khi thống nhất công nợ thực tế và thống nhất việc ghi giá trị hóa đơn GTGT như phía Công ty dịch vụ TS yêu cầu, Công ty MP xuất hóa đơn GTGT theo giá trị tiền hàng đã thống nhất kèm theo hóa đơn giao nhận hàng và bảng kê chi tiết gửi cho Công ty dịch vụ TS để thanh toán, song Công ty dịch vụ TS không thanh toán tiền mua hàng, Công ty MP nhiều lần liên lạc thông báo với đại diện Công ty dịch vụ TS là anh Cường và anh Ng thông qua thư điện tử, điện thoại và mạng xã hội Zalo, tuy nhiên đại diện Công ty dịch vụ TS không thanh toán. Đến ngày 02/10/2020 và 15/10/2020 Công ty dịch vụ TS mới thanh toán trả cho Công ty MP 01 phần tiền mua hàng của tháng 7/2020 với số tiền 500.000.000đ, số tiền hàng còn nợ của tháng 7 là 142.180.210 đồng và số nợ tiền hàng của tháng 8 và tháng 9 Công ty dịch vụ TS không thanh toán. Sau đó Công ty MP đã có thông báo ngừng cung cấp hàng và yêu cầu Công ty dịch vụ TS thanh toán công nợ. Ngày 26/4/2021, Công ty MP Kh kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty dịch vụ TS thanh toán trả số nợ tiền mua hàng còn thiếu là 1.142. 859.700 đồng và yêu cầu thanh toán trả lãi chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng bằng 150% mức lãi suất cho vay của Vietcombank.

Sau khi thụ lý yêu cầu Kh kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Nguyễn Văn Cường là người đại diện hợp pháp của Công ty dịch vụ kỹ TS, thông báo cho anh Nguyễn Văn Ng là con trai ông Nguyễn Văn Kh người trực tiếp chốt công nợ và thanh toán nợ trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng đến tòa làm việc nhưng anh Ng và anh Cường không đến. Ngày 01/7/2021, anh Nguyễn Văn Cường có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Kh là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty dịch vụ TS tham gia tố tụng.

Ông Nguyễn Văn Kh trình bày: Ông không chấp nhận yêu cầu Kh kiện của Công ty MP với lý do việc ký kết hợp đồng mua bán giữa 02 công ty ông không nắm được, anh Ng tuy là con trai ông nhưng anh Ng không phải là người của Công ty dịch vụ TS nên anh Ng không có quyền đại diện cho công ty trong các giao dịch kinh tế, hay dân sự, bà Lê Thị The không phải là Phó giám đốc công ty, các ông bà ký tên tại hóa đơn giao nhận hàng hóa hàng ngày là bà Nghệ, bà Giang, anh Bảo, anh Thái, chị Nguyệt không phải là người công ty ký kết hợp

đồng lao động chỉ là người làm thuê cho công ty làm theo mùa vụ nên các hóa đơn giao nhận hàng hóa hàng ngày giữa bên giao là vợ chồng anh T, chị H ký với những người làm chứng có tên là không có giá trị, trong khi trong thời gian đó anh T, chị H vẫn là người của công ty, bản thân chị H lại giữ vai trò trực tiếp lên thực đơn hàng ngày và quản lý bếp ăn của công ty nên hóa đơn giao nhận hàng ký không có giá trị và không hợp pháp.

Để làm rõ việc giao nhận hàng hóa, số lượng hàng đã giao và công nợ, Tòa án nhiều lần báo anh Nguyễn Văn Cường, anh Nguyễn Văn Ng đến làm việc và tham gia đối chất với vợ chồng anh T và chị H nhưng anh Cường và anh Ng không đến làm việc, không tham gia đối chất.

Tòa án đã làm việc với những người đại diện cho phía bên mua trực tiếp nhận cung ứng hàng hóa hàng ngày tại các bếp ăn của Công ty TS trong thời gian các tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 năm 2020 là bà Nguyễn Thị Nghê, anh Dương Văn Bảo và anh Đỗ Tuấn Thái, chị Khổng Thị Giang, chị Hà Thị Nguyệt đều khẳng định, anh chị được Công ty dịch vụ TS, cụ thể là bà The tuyển vào làm việc tại các bếp ăn của Công ty dịch vụ TS có tên là Moon Chang, BG, Việt Hàn, khi làm việc tại công ty không ký hợp đồng lao động mà làm theo mùa vụ, hàng tháng anh Ng là người chi trả tiền công lao động. Trong thời gian làm việc tại các bếp ăn của công ty, các anh chị là người trực tiếp kiểm tra cân hàng hóa là lương thực, thực phẩm do bên cung ứng là Công ty MP cung ứng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H cho biết trước khi Kh kiện Công ty MP đã gửi cho Công ty dịch vụ TS hồ sơ đề nghị thanh toán gồm: Hóa đơn GTGT có ký tên đóng dấu của người đại diện công ty, bảng kê chi tiết hàng hóa, hóa đơn giao nhận hàng hàng ngày, gửi trực tiếp cho anh Ng và gửi bưu điện cho anh Cường. Lý do giữa giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn GTGT của tháng 8 và tháng 9/2020 lớn hơn giá trị thực của số tiền hàng giao là do bên Công ty dịch vụ TS nhờ ghi thêm giá trị (anh Ng nhờ ghi) bởi ngoài mua hàng hóa của Công ty MP có hóa đơn thì Công ty dịch vụ TS còn mua thêm hàng hóa ngoài không có hóa đơn, còn thực tế giá trị tiền hàng cung ứng cho Công ty dịch vụ TS tháng 8/2020 là 586.408.620 đồng, tháng 9/2020 là 414.270.870 đồng.

Với nội dung trên, bản sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, Điều 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, 24, 50, 306 Luật thương mại; Điều 164, 274, 275, 278, 280, 351, 352, 353 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH

vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu Kh kiện của Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP.

Buộc Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS phải thanh toán trả cho Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP tổng số tiền mua hàng tính đến ngày 16/01/2023 là 1.448.710.912 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 1.142.859.700 đồng; nợ lãi tính đến ngày 01/01/2023 là 305.851.212 đồng. Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS phải tiếp tục thanh toán trả cho Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi là 1%/tháng cho đến khi thanh toán trả xong công nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và Ng vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 16/02/2023, người có quyền lợi, Ng vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Kh kiện; người có quyền lợi, Ng vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ng là ông Nguyễn Văn Kh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Anh Ng chỉ là người có quyền lợi, Ng vụ liên quan nên không có quyền kháng cáo toàn bộ bản án. Hơn nữa, anh Ng không phải thực hiện Ng vụ gì đối với Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP, do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP nhất trí với ý kiến tranh luận của Luật sư và không tham gia tranh luận gì thêm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn Ng nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn Ng, Hội đồng xét xử thấy: Do quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP và Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS, anh Nguyễn Văn Ng đại diện Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS đã tiến hành các thủ tục chốt công nợ hàng tháng với Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP nên bản án sơ thẩm xác định anh Nguyễn Văn Ng là người có quyền lợi, Ng vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập anh Ng nhiều lần để làm việc cũng như tham gia đối chất để làm rõ một số nội dung cần chứng minh nhưng anh Ng không đến làm việc.

Tuy nhiên, theo quyết định của bản án sơ thẩm thì anh Ng không có quyền lợi hay Ng vụ nào liên quan đến việc thanh toán công nợ cho Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của anh Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Ng.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn Ng phải chịu án phí kinh doanh thương mại sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 3, 24, 50, 306 Luật Thương mại; Điều 164, 274, 275, 278, 280, 351, 352, 353, 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu Kh kiện của Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP.

1. Buộc Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS phải thanh toán trả cho Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP tổng số tiền mua hàng tính đến ngày 16/01/2023 là 1.448.710.912 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.142.859.700 đồng; nợ lãi tính đến ngày 01/01/2023 là 305.851.212 đồng. Công ty TNHH

dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS phải tiếp tục thanh toán trả cho Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi là 1%/ tháng cho đến khi thanh toán trả xong công nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật công nghiệp TS phải chịu 55.461.327 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại Công ty TNHH buôn bán tổng hợp MP số tiền 23.145.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000984 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BN.

Anh Nguyễn Văn Ng phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (xác nhận anh Ng đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001793 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BN).

T hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND thành phố BN;
- Chi cục THADS thành phố BN;
- Đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình Hoàng Ngọc Sơn

Nguyễn Văn Tính